

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày 28-11-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn

Ông Ngô Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã O, huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2019/TLST-HS, ngày 25-10-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS, ngày 18-11-2019 đối với các bị cáo:

1. **Võ V** (Tên gọi khác: **Q**), sinh ngày 24 tháng 6 năm 1967, tại huyện E, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn R, xã T, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đ và bà Cao Thị B; vợ, con: chưa có; tiền án: 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 360 ngày 02/8/1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; Bản án số 172/2007/HSST ngày 15/8/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 18/HSST ngày 23-8-1985 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Nghĩa Bình về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 29-3-1990 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phạt về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

Bị cáo bị tạm giam ngày 28-02-2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

2. **Phạm Đình H**, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1964, tại tỉnh Lạng Sơn; ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số 40/2 đường Y, phường U, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đắc L (đã chết) và bà Lê Thị Mai H1 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị N, con: có 01 (một)

người con sinh năm 1995; tiền án: 05 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” thể hiện tại các bản án 113/HSST ngày 21-11-1989 của Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang; Bản án số 99/HSST ngày 30/10/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; Bản án số 99/HSST ngày 19/9/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Bản án số 100A/HSST ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Bản án số 172/2007/HSST ngày 15/8/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam ngày 28-02-2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

*** Người bị hại:**

1- Phạm T1, sinh năm 1991. Có mặt

Trú tại: thôn I, xã O, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

2- Lưu Thị H2, sinh năm 1965. Có mặt

Trú tại: thôn S, xã F, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

3- Võ Đình T2, sinh năm 1971. Có mặt

Trú tại: thôn G, xã F, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

4- Lê Thị Hoàng H3, sinh năm 1976. Có mặt

Trú tại: thôn J, xã K, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

5- Trần Thị Lệ T3, sinh năm 1989. Có mặt

Trú tại: thôn Z, xã X, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6- Nguyễn Thị Ngọc K1, sinh năm 1972. Có mặt

Trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7- Nguyễn Đăng T4, sinh năm 1989. Có mặt

Trú tại: thôn Q1, xã E1, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

8- Huỳnh Long N1, sinh năm 1985. Vắng mặt

Trú tại: thôn R1, xã Y1, huyện L1, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1- Trần Lê Quỳnh U1, sinh năm 1995. Vắng mặt

Trú tại: thôn S1, xã O, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

2- Đặng Thị Thúy K2, sinh năm 1968. Có mặt

Trú tại: thôn 6, xã G1, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

3- Huỳnh Ngọc L2, sinh năm 1952. Vắng mặt

Trú tại: thôn R1, xã Y1, huyện L1, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 20/02/2019, **Võ V** (Tên gọi khác: Q), (Sinh ngày: 24/06/1967, trú tại: thôn R, xã T, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi) điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 75D1-090.29, nhãn hiệu Sirius màu đỏ-đen chở theo **Phạm Đình H** (Sinh ngày 20/04/1964, trú tại: số 40/2 đường Y, phường U, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa) đi theo hướng từ thành phố Quảng Ngãi đến huyện A theo Tỉnh lộ 624 nhằm mục đích tìm kiếm loại xe mô tô nhãn hiệu Sirius để trộm cắp. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc thôn A1, xã O, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi thì Võ V phát hiện anh Phạm T1 (Sinh năm 1991, trú tại: thôn I, xã O, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi) dừng xe mô tô mang biển kiểm soát 76F1-265.39, nhãn hiệu Sirius màu đỏ-đen trên đường để đi vào chợ O. Võ V điều khiển xe đến gần và dừng lại để Phạm Đình H xuống xe, đi bộ đến gần và ngồi lên xe mô tô của anh T1, sau đó dùng đoản phá khóa điện của xe, nổ máy rồi nhanh chóng tẩu thoát cùng Võ V. Do nhìn thấy xe mô tô của anh T1 còn mới, sử dụng tốt nên V tháo biển số 76F1-265.39 của xe để gắn vào xe của V đang đi và lấy biển số 75D1-090.29 gắn vào cho xe vừa lấy trộm được. Sau đó, V và H đem xe mô tô ban đầu của V đến Quốc lộ gửi cho một nhà xe (không xác định rõ tên) để gửi vào các tỉnh phía Nam cho một đối tượng tên Rõ (không rõ nhân thân, lai lịch) để bán.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTTHS, ngày 28/02/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện A, kết luận: 01 (một) xe máy gắn biển số 75D1-09029, hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung RLCUE3240JY178077, số máy E3X9E483677 có giá trị **19.665.000** đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Võ V và Phạm Đình H khai nhận: Ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên, trong thời gian từ ngày 23/02/2019 đến ngày 28/02/2019, Võ V và Phạm Đình H đã cùng nhau thực hiện tổng cộng 07 vụ trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Sirius khác trên địa bàn huyện A, huyện E và huyện L1. Riêng Võ V, đã tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản vào ngày 01/12/2018 tại thôn I1, xã F, huyện A. Cụ thể như sau:

- Trên địa bàn huyện A:

Vụ thứ nhất : Ngày 01/12/2018, tại khu vực F1 thuộc thôn I1, xã F, huyện A, Võ V đã trộm cắp chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 76H2-4107 của bà Lưu Thị H2 (Sinh năm 1965, trú tại: thôn S, xã F, huyện A). Sau đó, V đã tháo biển kiểm soát 76H2-4107 đem cho đối tượng Võ M1 (sinh năm 1967, trú tại: tổ 24, khu vực 5, phường X1, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) còn chiếc xe mô tô bán cho một đối tượng không rõ lai lịch với số tiền 1.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTTHS, ngày 24/4/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện A, kết luận: Tại thời điểm ngày 01/12/2018, 01 (một) xe máy gắn biển số 76H2-4107, hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung 269496, số máy 269546 có giá trị **2.000.000** đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 23/02/2019, tại nhà ông Trần Quang L3 (Trú tại: thôn C, xã F, huyện A), Võ V và Phạm Đình H đã trộm cắp xe mô tô mang biển kiểm soát 76F1-034.81, nhãn hiệu Sirius, màu đen trắng của ông Võ Đình T2 (Sinh năm 1971, trú tại: thôn G, xã F, huyện A). Sau đó, V và H đã gửi chiếc xe đi tiêu thụ ở các tỉnh phía Nam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTTHS ngày 24/04/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Tại thời điểm ngày 23/02/2019, 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu đen trắng, số khung 756104, số máy 756104 có giá trị **6.000.000** đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 24/02/2019, tại khu vực Chợ C1 thuộc thôn J, xã K, huyện A, Võ V và Phạm Đình H đã trộm cắp xe mô tô mang biển kiểm soát 76E1-230.06, nhãn hiệu Sirius, màu đen trắng của bà Lê Thị Hoàng H3 (Sinh năm 1976, trú tại: thôn J, xã K, huyện A). Sau đó, ngày 25/02/2019, V và H điều khiển xe đến nhà xe A1, ở thị trấn A2, huyện A gửi chiếc xe đi tiêu thụ tại các tỉnh phía Nam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTTHS ngày 24/04/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện A, kết luận: Tại thời điểm ngày 24/02/2019, 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu đen trắng, số khung 057774, số máy 057785 có giá trị **10.000.000** đồng.

- Trên địa bàn huyện E:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 20 phút, ngày 27/02/2019, tại khu vực Chợ Đ1 thuộc thôn Đ1, xã G2, huyện E, Võ V và Phạm Đình H đã trộm cắp xe mô tô mang biển kiểm soát 76B1-117.36, nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen của bà Trần Thị Lệ Tha (Sinh năm 1989, trú tại: thôn Z, xã X, TP. Quảng Ngãi). Sau đó, V và H đã gửi đi tiêu thụ tại các tỉnh phía Nam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS, ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Tại thời điểm ngày 27/02/2019, 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung 195156, số máy 195167 có giá trị **13.800.000** đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ, ngày 27/02/2019, tại đoạn đường gần Ngã 3 T thuộc thôn R, xã T, huyện E, Võ V và Phạm Đình H đã trộm cắp xe mô tô mang biển kiểm soát 76B1-173.69, nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen của bà Nguyễn Thị Ngọc K1 (Sinh năm 1972, trú tại: tổ 4, phường M, thành phố Quảng Ngãi) dựng trên đường. Sau đó, V và H điều khiển chiếc xe đến nhà bà Đặng Thị Thúy K2 (Sinh năm 1968, trú tại: thôn 6, xã G1, huyện B1) để gửi đi tiêu thụ nhưng chưa kịp gửi đi thì bị phát hiện và tạm giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS, ngày 14/3/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Tại thời điểm ngày 27/02/2019, 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu xanh đen, số khung 161095, số máy 161100 có giá trị **16.100.000** đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 06 giờ 15 phút, ngày 28/02/2019, tại khu vực Chợ N2 thuộc thôn Y2, xã B2, huyện E, Võ V cùng với Phạm Đình H đã trộm cắp xe mô tô mang biển kiểm soát 76E1- 336.46, nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen của anh Nguyễn Đăng T4 (Sinh năm 1989, trú tại: thôn Q1, xã E1, huyện E). Sau khi lấy trộm, V và H điều khiển chiếc xe trên đến nhà xe A1, ở thị trấn A2, huyện A gửi đi tiêu thụ thì bị Công an huyện A phát hiện và tạm giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 14/03/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện E kết luận: Tại thời điểm ngày 28/02/2019, 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung 209949, số máy 209969 có giá trị **12.950.000** đồng.

- **Trên địa bàn huyện L1:** Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 27/02/2019, tại đoạn nương kênh thuộc xã Y1, huyện L1, Võ V cùng với Phạm Đình H đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô mang biển kiểm soát 76D1-222.38, nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen do ông Huỳnh Ngọc L2 (Sinh năm 1952, trú tại: thôn R1, xã Y1, huyện L1) dựng trên bờ kênh. Sau khi lấy trộm, V và H điều khiển chiếc xe đến nhà xe A1, ở thị trấn A2, huyện A gửi đi tiêu thụ thì bị Công an huyện A phát hiện và tạm giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 15/05/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện L1, kết luận: Tại thời điểm ngày 27/02/2019, 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung 127046, số máy 127057 có giá trị **13.325.000** đồng.

Như vậy, Võ V và Phạm Đình H đã thống nhất cùng nhau thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Sirius có giá trị tổng cộng là **91.840.000 đồng** (Chín mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Riêng Võ V còn thực hiện riêng một vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Sirius có giá trị **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng).

Cáo trạng số 45/CT-VKS-NH, ngày 24-10-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Võ V và Phạm Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 02 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Võ V và Phạm Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ V (tên gọi khác: Q) 6 (sáu) năm đến 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, bị cáo Phạm Đình H 6 (sáu) năm đến 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28-02-2019.

- Về dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự tuyên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Võ Đình T2, chị Lê Thị Hoàng H3, chị Trần Thị Lệ T3. Riêng bị cáo V phải bồi thường cho chị Lưu Thị H2.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 thanh kim loại màu trắng thường gọi là đầu lục giác số 8; 01 thanh kim loại màu nâu, một đầu hình trụ lục giác, trên thân có dòng chữ GESTARPH2, một đầu được mài dẹp hơi nhọn, kích thước dài 7,8 cm, một đầu lục giác rộng nhất 0,7cm; 01 thanh kim loại màu nâu, một đầu hình trụ lục giác, trên thân có dòng chữ S2BARERPH một đầu được mài dẹp hơi nhọn, kích thước dài 7,2 cm, một đầu lục

giác rộng nhất 0,7cm; 01 thanh kim loại hình dạng chữ T được dán bằng băng keo đen xung quanh thân kim loại, một đầu thanh kim loại được mài dẹp đầu hơi nhọn, kích thước phần cán là 8cm kích thước phần có mài dẹp 6,2cm.

+ 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng tán mũ màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ tán mũ màu đen, phía sau có dòng chữ “O1” và 01 khẩu trang màu vàng có dòng chữ “R3”.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đình H 01 điện thoại di động loại dùng bàn phím, mặt trước và mặt sau của điện thoại có dòng chữ Masstel.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Seri1: 354478092212117, Seri2: 354478095212114.

Giao 01 biển số xe 76H2-4107 và 01 biển số xe 75D1-09029 cho Công an huyện A quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) của bị cáo H và số tiền 13.470.000đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) của bị cáo V để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: các bị cáo Võ V, Phạm Đình H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Võ V và Phạm Đình H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Võ V và Phạm Đình H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của mình. Nhưng với mục đích kiếm tiền để kiếm sống, trong khoảng thời gian từ ngày 20-02-2019 đến ngày 28-02-2019 các bị cáo Võ V và Phạm Đình H đã lén lút thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản của người khác chiếm đoạt tài sản có giá trị **91.840.000đ (Chín mươi một triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng)** trên địa bàn các huyện A, huyện E và huyện L1. Riêng bị cáo Võ V còn tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 2.000.000đ (Hai triệu đồng) vào ngày 01-12-2018 tại thôn I1, xã F, huyện A. Bản án số 172/2017/HSST ngày 15-8-2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” đối với các bị cáo Võ V và Phạm Đình H quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo

Phạm Đình H chấp hành xong hình phạt ngày 09-4-2017. Tính đến ngày phạm tội mới ngày 01-12-2018 đối với bị cáo Võ V và ngày 20-02-2019 đối với Phạm Đình H thì các bị cáo chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên các lần phạm tội mới được xem là “Tái phạm nguy hiểm”. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, chuyên sống bằng thu nhập từ tài sản phạm tội mà có, các bị cáo đã thực hiện liên tiếp trên 5 lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều có giá trị trên 2.000.000đ nên xác định các bị cáo phạm tội “Có tính chất chuyên nghiệp”. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Võ V và Phạm Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Bản án số 18/HSST ngày 23-8-1988 của Tòa án nhân dân huyện E, Bản án số 360/HSPT ngày 02-8-1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Bản án số 172/2007/HSST ngày 15-8-2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, đều thể hiện bị cáo Võ V sinh năm 1966. Tại chỉ bản lập ngày 13-3-2019, chứng minh nhân dân số 212433949 và sổ hộ khẩu đều thể hiện bị cáo Võ V sinh năm 1967. Để có cơ sở xác định bị cáo Võ V sinh năm 1966 với Võ V sinh năm 1967 có phải là cùng một người hay không, cơ quan điều tra Công an huyện A tiến hành trưng cầu giám định đường vân để truy nguyên đối tượng. tại bản kết luận giám định số 508/KLGD-PC09 ngày 05-6-2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: dấu vân tay in trên các danh chỉ bản và tờ khai chứng minh nhân dân là do cùng một người in ra. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định được bị cáo Võ V sinh năm 1967 (theo sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân).

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo Võ V và Phạm Đình H cùng thực hiện hành vi phạm tội, nên đều là những người thực hành.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Võ V và Phạm Đình H đã cùng nhau thực hiện 7 lần hành vi trộm cắp tài sản với số tiền đều trên 2.000.000đ (Hai triệu đồng), nên cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi xét xử đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Võ V và Phạm Đình H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có 2 người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xét xử đối với các bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử cũng xét thấy: các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị xử phạt tù chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian; xét xử các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về dân sự: ông Phạm T1, Nguyễn Đăng T4, Huỳnh Long N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc K1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc các bị cáo Võ V và Phạm Đình H phải liên đới bồi thường cho bị hại. Cụ thể, các bị cáo Võ V và Phạm Đình H mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Võ Đình T2 số tiền 3.000.000đ; bồi thường cho chị Lê Thị Hoàng H3 số tiền 5.000.000đ; bồi thường cho chị Trần Thị Lệ T3 số tiền 6.900.000đ. Tổng cộng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng). Bị cáo Võ V phải bồi thường cho bà Lưu Thị H2 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 USB nhãn hiệu King&ton, màu đỏ, mặt trên có dòng chữ DT101G28G, đây là USB chứa dữ liệu trích xuất từ camera tại nhà xe A1 vào ngày 27 và 28-02-2019 ghi nhận hình ảnh bị cáo Võ V và Phạm Đình H đến gửi xe đi tiêu thụ. Sau khi tiến hành giám định trích xuất dữ liệu đã niêm phong là tài liệu chứng cứ của vụ án, nên được lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 75D1-09029 nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung RLCUE 3240JY178077, số máy E3X9E483677 là của anh Phạm T1; xe mô tô biển kiểm soát 76E1-33646, nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, số khung RLCS5C6H0GY209949, số máy 5C6H-209969 là của anh Nguyễn Đăng T4; xe mô tô mang biển kiểm soát 76D1-22238, nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, số khung RLCS5C6KO-DY127046, số máy 5C6K-127057 là của anh Huỳnh Long N1 (con đẻ của ông Huỳnh Ngọc L2). Cơ quan điều tra Công an huyện A đã trả lại cho anh T1, anh T4, anh N1 là phù hợp

Đối với 01 thanh kim loại màu trắng thường gọi là đầu lục giác số 8; 01 thanh kim loại màu nâu, một đầu hình trụ lục giác, trên thân có dòng chữ GESTARPH2, một đầu được mài dẹp hơi nhọn, kích thước dài 7,8 cm, một đầu lục giác rộng nhất 0,7cm; 01 thanh kim loại màu nâu, một đầu hình trụ lục giác, trên thân có dòng chữ S2BARERPH một đầu được mài dẹp hơi nhọn, kích thước dài 7,2 cm, một đầu lục giác rộng nhất 0,7cm; 01 thanh kim loại hình dạng chữ T được dán bằng băng keo đen xung quanh thân kim loại, một đầu thanh kim loại được mài dẹp đầu hơi nhọn, kích thước phần cán là 8cm kích thước phần có mài dẹp 6,2cm. Đây là các công cụ được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, có giá trị sử dụng thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng tán mũ màu đen của bị cáo H; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ tán mũ màu đen, phía sau có dòng chữ “O1” và 01 khẩu trang màu vàng có dòng chữ “R3” của bị cáo V, có giá trị sử dụng thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Seri1: 354478092212117, Seri2: 354478095212114 là của bị cáo Võ V, bị cáo V sử dụng liên lạc với đối tượng tên Rõ để tiêu thụ xe, là công cụ phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động loại dùng bàn phím, mặt trước và mặt sau của điện thoại có dòng chữ Masstel là của bị cáo Phạm Đình H không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo H.

Đối với 01 biển số xe 76H2-4107 và 01 biển số xe 75D1-09029 các bị cáo sử dụng trao đổi giữa các xe đã trộm cắp với nhau. Cơ quan điều tra Công an huyện A chưa truy tìm được những chiếc xe được gắn biển kiểm soát này. Do đó, cần giao cho cơ quan điều tra Công an huyện A quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Phạm Đình H và số tiền 13.470.000đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Võ V, cần phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với chị Trần Lê Quỳnh U1 là nhân viên của nhà xe A1, chị Đặng Thị Thúy K2 là nhân viên của nhà xe N3, đã trực tiếp nhận xe của các bị cáo để vận chuyển vào các tỉnh phía nam tiêu thụ. Tuy nhiên, khi tiếp nhận xe chị U1 và bà K2 không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị U1 và bà K2 là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Rỡ, có số điện thoại 0399610914 là người trực tiếp nhận xe do các bị cáo V và H gửi tại Q2 tỉnh Đồng Nai. Cơ quan điều tra Công an huyện A đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng vẫn chưa xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng này. Do đó, khi nào xác định được lai lịch của đối tượng sẽ xem xét xử lý sau.

[9] Về án phí: các bị cáo Võ V, Phạm Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Phạm Đình H phải nộp 745.000đ (14.900.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Võ V phải nộp 845.000đ (16.9000.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về hình phạt, dân sự, và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: các bị cáo **Võ V** (Tên gọi khác: **Q**), **Phạm Đình H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2- Xử phạt bị cáo **Võ V** (Tên gọi khác: **Q**) 6 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 28-02-2019.

3- Xử phạt bị cáo **Phạm Đình H** 6 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 28-02-2019.

4- Về dân sự: Buộc bị cáo Võ V, Phạm Đình H mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Võ Đình T2 số tiền 3.000.000đ; bồi thường cho chị Lê Thị Hoàng H3 số tiền 5.000.000đ; bồi thường cho chị Trần Thị Lệ T3 số tiền 6.900.000đ. Tổng cộng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng). Bị cáo Võ V phải bồi thường cho bà Lưu Thị H2 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5- Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 thanh kim loại màu trắng thường gọi là đầu lục giác số 8; 01 thanh kim loại màu nâu, một đầu hình trụ lục giác, trên thân có dòng chữ GESTARPH2, một đầu được mài dẹp hơi nhọn, kích thước dài 7,8 cm, một đầu lục giác rộng nhất 0,7cm; 01 thanh kim loại màu nâu, một đầu hình trụ lục giác, trên thân có dòng chữ S2BARERPH một đầu được mài dẹp hơi nhọn, kích thước dài 7,2 cm, một đầu lục giác rộng nhất 0,7cm; 01 thanh kim loại hình dạng chữ T được dán bằng băng keo đen xung quanh thân kim loại, một đầu thanh kim loại được mài dẹp đầu hơi nhọn, kích thước phần cán là 8cm kích thước phần có mài dẹp 6,2cm.

+ 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng tán mũ màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ tán mũ màu đen, phía sau có dòng chữ “O1” và 01 khẩu trang màu vàng có dòng chữ “R3”.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đình H 01 điện thoại di động loại dùng bàn phím, mặt trước và mặt sau của điện thoại có dòng chữ Masstel.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Seri1: 354478092212117, Seri2: 354478095212114.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-11-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Giao 01 biển số xe 76H2-4107 và 01 biển số xe 75D1-09029 cho Công an huyện A quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) của bị cáo Phạm Đình H và số tiền 13.470.000đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) của bị cáo Võ V để đảm bảo thi hành án, theo tài khoản 39490104164800000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, theo biên lai giao nhận vật chứng ngày 20-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

6- Về án phí: Buộc bị cáo Võ V, Phạm Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo H phải nộp 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), bị cáo V phải nộp 845.000đ (Tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan THAHS CA huyện A;
- Nhà tạm giữ CA huyện A;
- Cơ quan CSĐT CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ